

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học hệ chính quy, năm 2021

Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học hệ chính quy năm 2021 như sau:

1. Đối tượng, phạm vi tuyển sinh và chế độ ưu tiên:

- Người đã tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy (Người tốt nghiệp cao đẳng nghề không thuộc đối tượng dự thi này).
- Phạm vi tuyển sinh trên toàn quốc.
- Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo được cộng điểm ưu tiên đối tượng (Điều 7 của Quy chế tuyển sinh) vào điểm xét tuyển. Không tính điểm ưu tiên khu vực.

2. Ngành đào tạo, chỉ tiêu và tổ chức đào tạo:

- Tổng chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến là 300, được phân bổ theo từng nhóm ngành tuyển sinh (xem danh mục ngành và chỉ tiêu tuyển sinh) được phân bổ theo từng nhóm ngành, riêng nhóm ngành đào tạo giáo viên (*) phân bổ theo ngành. Căn cứ số lượng dự thi thực tế, chỉ tiêu tuyển sinh từng nhóm ngành có thể được điều chỉnh cho phù hợp. Ngành Giáo dục thể chất chỉ tuyển sinh người có bằng tốt nghiệp cao đẳng các ngành có liên quan đến thể dục và thể thao.
- Trường sẽ không tổ chức thi đối với các ngành có số lượng đăng ký dự thi ít hơn 03 thí sinh (tính đến hết ngày 20/8/2021); và sẽ thông báo trên website tuyển sinh của Trường vào ngày 30/8/2021 để thí sinh đăng ký ngành khác hoặc rút hồ sơ.
- Tổ chức đào tạo: đào tạo theo học chế tín chỉ. Sau khi trúng tuyển, sinh viên liên thông học tập trung liên tục tại Trường ĐHCT với sinh viên đại học hệ chính quy; được xét miễn và công nhận điểm khối lượng kiến thức đã học ở bậc cao đẳng.
- Khi tốt nghiệp, sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp đại học chính quy và tên ngành đào tạo được ghi đúng với tên ngành tuyển sinh (nếu học chuyên ngành thì tên chuyên ngành sẽ được ghi trên Quyết định tốt nghiệp, Phụ lục văn bằng).

3. Mức học phí: sinh viên đóng học phí theo số tín chỉ đăng ký học trong từng học kỳ. Mức học phí bằng với mức học phí của bậc đại học hệ chính quy.

4. Phương thức tuyển sinh:

Trường ĐHCT chỉ tuyển sinh theo phương thức thi tuyển do Trường tự ra đề, không xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2021.

4.1. Các môn thi tuyển: bao gồm 03 môn thi tùy vào từng ngành (Môn cơ bản, môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành).

4.2. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào (ĐBCL):

- a) Đối với các ngành đào tạo giáo viên phải đạt một trong các tiêu chí sau:
- Đối tượng là người đã tốt nghiệp cao đẳng ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07/5/2020: ngưỡng ĐBCL đầu vào do Trường xác định và công bố sau khi có kết quả thi.
 - Đối tượng khác: tốt nghiệp trình độ cao đẳng đạt loại giỏi hoặc tốt nghiệp trình độ cao đẳng đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.
- b) Đối với những ngành đào tạo khác: ngưỡng ĐBCL đầu vào do Trường xác định và công bố sau khi có kết quả thi.

4.3. Nguyên tắc xét tuyển:

- Bài thi được chấm theo thang điểm 10, lấy đến 0,25; không quy tròn điểm.
- Điểm mỗi môn thi phải lớn hơn 1,0 điểm.
- Điểm chuẩn xác định theo từng nhóm ngành tuyển sinh (điểm chuẩn các ngành trong cùng nhóm ngành bằng nhau). Những thí sinh dự thi trong cùng nhóm ngành được xét tuyển theo tổng điểm 3 môn thi không quy tròn cộng với điểm ưu tiên đối tượng từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu của nhóm ngành.

4.4. Lịch thi tuyển: ngày 26/9/2021

Môn thi	Môn cơ bản	Môn cơ sở ngành	Môn chuyên ngành
Giờ thi	07g15	13g00	15g30

5. Hồ sơ và thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự thi

5.1. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm có:

- Phiếu đăng ký dự thi liên thông (*theo mẫu*);
 - 03 ảnh 4x6cm (*chụp trong thời gian 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ*);
 - 01 phong bì dán tem và ghi địa chỉ thí sinh ở mục người nhận;
 - 01 bản sao Bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp được cấp năm 2021 (*có công chứng*);
 - 03 bản sao bảng điểm bậc cao đẳng (*có công chứng*);
 - 03 bản sao Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh (*có công chứng*);
 - 03 bản sao Chứng chỉ Giáo dục thể chất (*có công chứng*);
 - 01 bản sao CMND hoặc Thẻ Căn cước công dân (*không cần công chứng*);
 - Khai sinh và bản sao hộ khẩu (*nếu thuộc diện ưu tiên dân tộc thiểu số*);
 - Hồ sơ minh chứng thuộc đối tượng ưu tiên tuyển sinh (*nếu thuộc diện ưu tiên khác*);
- Nếu thiếu hồ sơ cần thiết, thí sinh sẽ làm giấy cam đoan (*theo mẫu*).

5.2. Lệ phí

- Lệ phí đăng ký và lệ phí thi: 420.000 đồng/hồ sơ.
- Lệ phí ôn tập: 800.000 đồng/môn thi (nộp cùng lúc với hồ sơ nếu có nhu cầu ôn tập và không hoàn trả lại trừ trường hợp môn thi không được mở lớp ôn do không đủ số lượng đăng ký tối thiểu);

Riêng ngành Ngôn ngữ Anh: môn Nói: 400.000 đồng; môn Viết: 1.200.000 đồng.

5.3. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ và lệ phí:

- **Thời gian:** Từ ngày **15/4/2021** đến **20/8/2021** (thứ Hai đến thứ Sáu trong tuần);

- **Địa điểm:** nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến phòng Đào tạo, Trường Đại học Cần Thơ - Khu II, đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

6. Tổ chức ôn tập:

- Trường sẽ tổ chức ôn tập cho các môn thi có số lượng đăng ký từ 05 thí sinh trở lên. Các môn thi có số lượng đăng ký ôn tập dưới 05, thí sinh được nhận lại lệ phí ôn tập đã đóng và tự ôn tập theo đề cương của môn thi (*xem đề cương trên website tuyển sinh*).

- Mỗi môn thi được tổ chức ôn tập 20 tiết; lịch ôn tập được xếp vào Chủ nhật và các buổi tối trong tuần từ ngày **06/9/2021** đến **19/9/2021**.

7. Địa chỉ liên hệ để biết thêm chi tiết

Phòng Đào tạo - Trường Đại học Cần Thơ

Khu II, đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0292-3872728

E-mail: tuyensinh@ctu.edu.vn

Hotline: 0886889922

Facebook: www.facebook.com/ctu.tvts/

Website: <http://tuyensinh.ctu.edu.vn> (*Mục Liên thông*)./.

Nơi nhận:

- Công bố trên Website;
- Lưu: VT, PĐT.



KẾ HOẠCH
Tuyển sinh đào tạo liên thông
từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học hệ chính quy, năm 2021
(Kèm Thông báo số 668 /TB-DHCT, ngày 09/4/2021)

TT	Nội dung công tác	Thời gian	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Nhận hồ sơ đăng ký dự thi	15/4 - 20/8/2021	P. Đào tạo	
2	Nhập, kiểm tra và xử lý hồ sơ	03/5 - 20/8/2021	P. Đào tạo	
3	Công bố danh sách thí sinh dự thi; lịch ôn tập	30/8/2021	P. Đào tạo	
4	Tổ chức ôn tập	06/9 - 19/9/2021	Các đơn vị	P. Đào tạo
5	Phát Giấy báo dự thi cho thí sinh	Từ 15/9/2021	P. Đào tạo	
6	Thi tuyển	26/9/2021	P. Đào tạo	Các đơn vị
7	Xử lý phách	28/9 - 01/10/2021	P. Đào tạo	
8	Tổ chức chấm thi, xét tuyển	04/10 - 14/10/2021	P. Đào tạo	Các đơn vị
9	Công bố kết quả thi tuyển	18/10/2021	P. Đào tạo	
10	Xác định mã số sinh viên (SV)	18/10 - 20/10/2021	P. Đào tạo	
11	Xác định mã số lớp	18/10 - 20/10/2021	P. CTSV	P. Đào tạo
12	Cung cấp tài khoản đăng nhập hệ thống quản lý và hộp thư điện tử cho PĐT để gửi đến SV	22/10/2021	TTTT&QTM	
13	Gửi bảng kết quả học tập bậc cao đẳng cho các đơn vị	22/10/2021	P. Đào tạo	
14	Phát Giấy báo nhập học cho SV đến nhận trực tiếp	25/10 - 27/10/2021	P. Đào tạo	
15	Gửi Giấy báo nhập học qua bưu điện cho SV không đến nhận trực tiếp	30/10/2021	P. Đào tạo	
16	Hội đồng đào tạo liên thông xem xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và các khối lượng kiến thức được miễn trừ cho từng SV; gửi Biên bản và file kết quả cho Phòng Đào tạo	25/10 - 05/11/2021	Các đơn vị	P. Đào tạo
17	Nhập và kiểm tra kết quả xét miễn trừ của các đơn vị	08/11 - 20/11/2021	P.Đào tạo	
18	Nhận hồ sơ trúng tuyển	16/11/2021	P. CTSV	
19	Phát CTĐT đã xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và các khối lượng kiến thức được miễn trừ cho từng SV; CVHT hướng dẫn SV lập kế hoạch học tập	16/11 - 20/11/2021	Các đơn vị	
20	SV nhập kế hoạch học tập vào phần mềm trực tuyến	16/11 - 28/11/2021	Sinh viên	
21	SV đăng ký học phần	06/12/2021 - 26/12/2021		
22	Học chính thức	30/01/2022	Sinh viên	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

DANH MỤC NGÀNH – CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO, CHỈ TIÊU
Tuyển sinh đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học
Hệ chính quy - năm 2021
(Kèm theo Thông báo số 668 /TB-ĐHCT, ngày 09/4/2021)

TT	Mã ngành	Ngành - Chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
1.	7140202	Giáo dục Tiểu học (*)	10	
2.	7140204	Giáo dục Công dân (*)	10	
3.	7140206	Giáo dục Thể chất (*)	10	
4.	7140209	Sư phạm Toán học (*)	15	
5.	7140210	Sư phạm Tin học (*)	10	
6.	7140211	Sư phạm Vật lý (*)	15	
7.	7140212	Sư phạm Hóa học (*)	10	
8.	7140213	Sư phạm Sinh học (*)	10	
9.	7140217	Sư phạm Ngữ văn (*)	5	
10.	7140218	Sư phạm Lịch sử (*)	15	
11.	7140219	Sư phạm Địa lý (*)	10	
12.	7140231	Sư phạm tiếng Anh (*)	15	
13.	7140233	Sư phạm tiếng Pháp (*)	15	
14.	7340101	Quản trị kinh doanh	40	
15.	7340115	Marketing		
16.	7340120	Kinh doanh quốc tế		
17.	7340121	Kinh doanh thương mại		
18.	7340201	Tài chính - Ngân hàng		
19.	7340301	Kế toán		
20.	7340302	Kiểm toán		
21.	7380101	Luật (<i>chuyên ngành: Luật Hành chính; Luật Tư pháp; Luật Thương mại</i>)		
22.	7420101	Sinh học	20	
23.	7420201	Công nghệ sinh học		
24.	7420203	Sinh học ứng dụng		
25.	7440112	Hóa học		
26.	7440301	Khoa học môi trường		
27.	7720203	Hóa dược		
28.	7460112	Toán ứng dụng	60	
29.	7480101	Khoa học máy tính		
30.	7480103	Kỹ thuật phần mềm		
31.	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		
32.	7480104	Hệ thống thông tin		
33.	7480201	Công nghệ thông tin (<i>chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Tin học ứng dụng</i>)		
34.	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học		
35.	7520309	Kỹ thuật vật liệu		
36.	7510601	Quản lý công nghiệp		
37.	7520201	Kỹ thuật điện		
38.	7520103	Kỹ thuật cơ khí (<i>chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy</i>)		
39.	7520401	Vật lý kỹ thuật		
40.	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử		
41.	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông		

TT	Mã ngành	Ngành - Chuyên ngành đào tạo	Chỉ tiêu dự kiến	Ghi chú
42.	7480106	Kỹ thuật máy tính		
43.	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		
44.	7520320	Kỹ thuật môi trường		
45.	7580201	Kỹ thuật xây dựng		
46.	7580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy		
47.	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		
48.	7540101	Công nghệ thực phẩm		
49.	7540104	Công nghệ sau thu hoạch		
50.	7540105	Công nghệ chế biến thủy sản		
51.	7620114	Kinh tế nông nghiệp		
52.	7620305	Quản lý thủy sản		
53.	7620301	Nuôi trồng thủy sản		
54.	7620302	Bệnh học thủy sản		
55.	7620109	Nông học		
56.	7620110	Khoa học cây trồng (<i>chuyên ngành Khoa học cây trồng</i>)		
57.	7620112	Bảo vệ thực vật		
58.	7620113	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan		
59.	7620105	Chăn nuôi		
60.	7640101	Thú y		
61.	7310630	Việt Nam học (<i>chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch</i>)	30	
62.	7220201	Ngôn ngữ Anh (<i>chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh; Phiên dịch - Biên dịch tiếng Anh</i>)		
63.	7220203	Ngôn ngữ Pháp		
64.	7220930	Văn học		
65.	7320201	Thông tin - thư viện		
66.	7310301	Xã hội học		
67.	7229001	Triết học		
68.	7310201	Chính trị học		
69.	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên		
70.	7310101	Kinh tế		
71.	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		
72.	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường		
73.	7850103	Quản lý đất đai		
Tổng cộng:			300	

Ghi chú: - Ngành Giáo dục thể chất chỉ xét tuyển người có bằng tốt nghiệp cao đẳng các ngành có liên quan đến thể dục và thể thao.

- Căn cứ số lượng dự thi thực tế, chỉ tiêu tuyển sinh từng nhóm ngành có thể được điều chỉnh cho phù hợp. Riêng các ngành đào tạo giáo viên (*) chỉ tiêu tuyển sinh phân theo từng ngành.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ